

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN, HẢI VĂN THÁNG IX NĂM 1993

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước ít mưa và có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm). Từ ngày 7 đến 10 tại khu vực từ Thanh Hóa đến Quảng Bình đã xảy ra một đợt mưa vừa đến mưa to, đặc biệt 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đã có mưa to, có nơi rất to, gây úng ngập nghiêm trọng ở khu vực này.

Mức nước các sông thuộc Bắc Bộ ở mức thấp, còn mức nước các sông ở Trung Bộ và Nam Bộ ở mức bình thường.

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) *Không khí lạnh*: Trong tháng có một đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh Miền Bắc vào ngày 30. Nhiệt độ sau 24h giảm từ 7 đến 10°C, gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3, cấp 4, ngoài khơi cấp 6, cấp 7. Không khí lạnh đã gây mưa vừa, mưa to ở nhiều nơi.

b) *Bão và ATND (áp thấp nhiệt đới)*

- *Bão số 5 (ABE 9315)*: Ngày 13, một cơn bão mạnh đã đi vào khu vực đông bắc Biển Đông; hồi 7h, vị trí trung tâm bão ở vào khoảng 21,8 độ vĩ bắc, 118,3 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm bão mạnh trên cấp 12.

Bão di chuyển theo hướng tây tây bắc và tây bắc, ngày 14 bão đi vào đất liền tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Sau đó bão tiếp tục di chuyển sâu vào đất liền theo hướng tây tây bắc và suy yếu dần.

Bão không ảnh hưởng đến thời tiết nước ta.

- *Bão số 6 (BECKY 9316)*: Sáng ngày 16, một cơn bão đã đi qua phía bắc đảo Lu-dông (phi-líp-pin) vào Biển Đông; hồi 13h vị trí trung tâm bão ở vào khoảng 19,3 độ vĩ bắc, 118,5 độ kinh đông với sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm bão mạnh cấp 9, cấp 10.

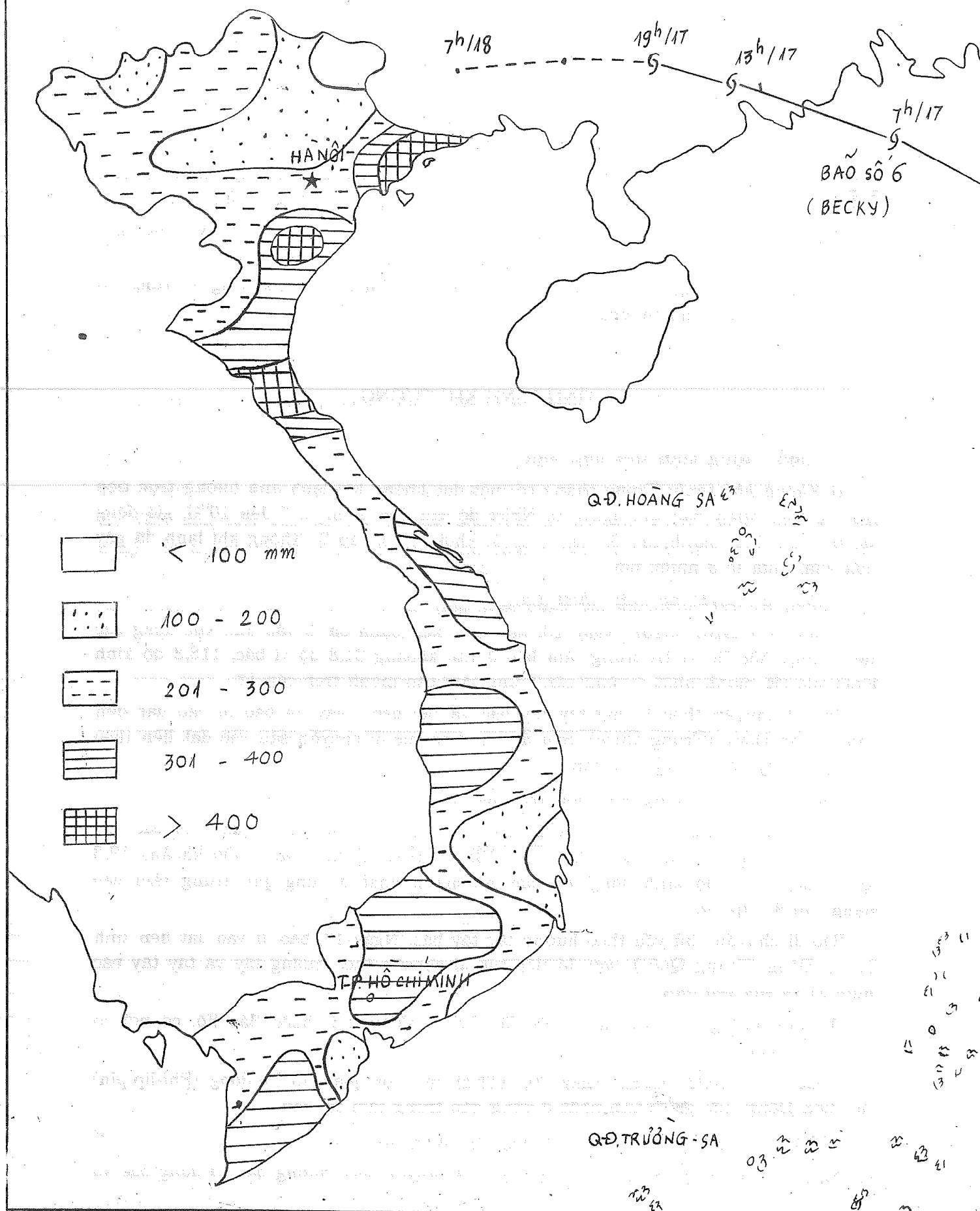
Bão di chuyển chủ yếu theo hướng tây tây bắc. Ngày 17, bão đi vào đất liền tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), sau đó tiếp tục di chuyển theo hướng tây và tây tây bắc (hình 1) và suy yếu dần.

Do ảnh hưởng của bão tan, mưa đã xảy ra nhiều nơi thuộc Bắc Bộ, có nơi có mưa vừa, mưa to.

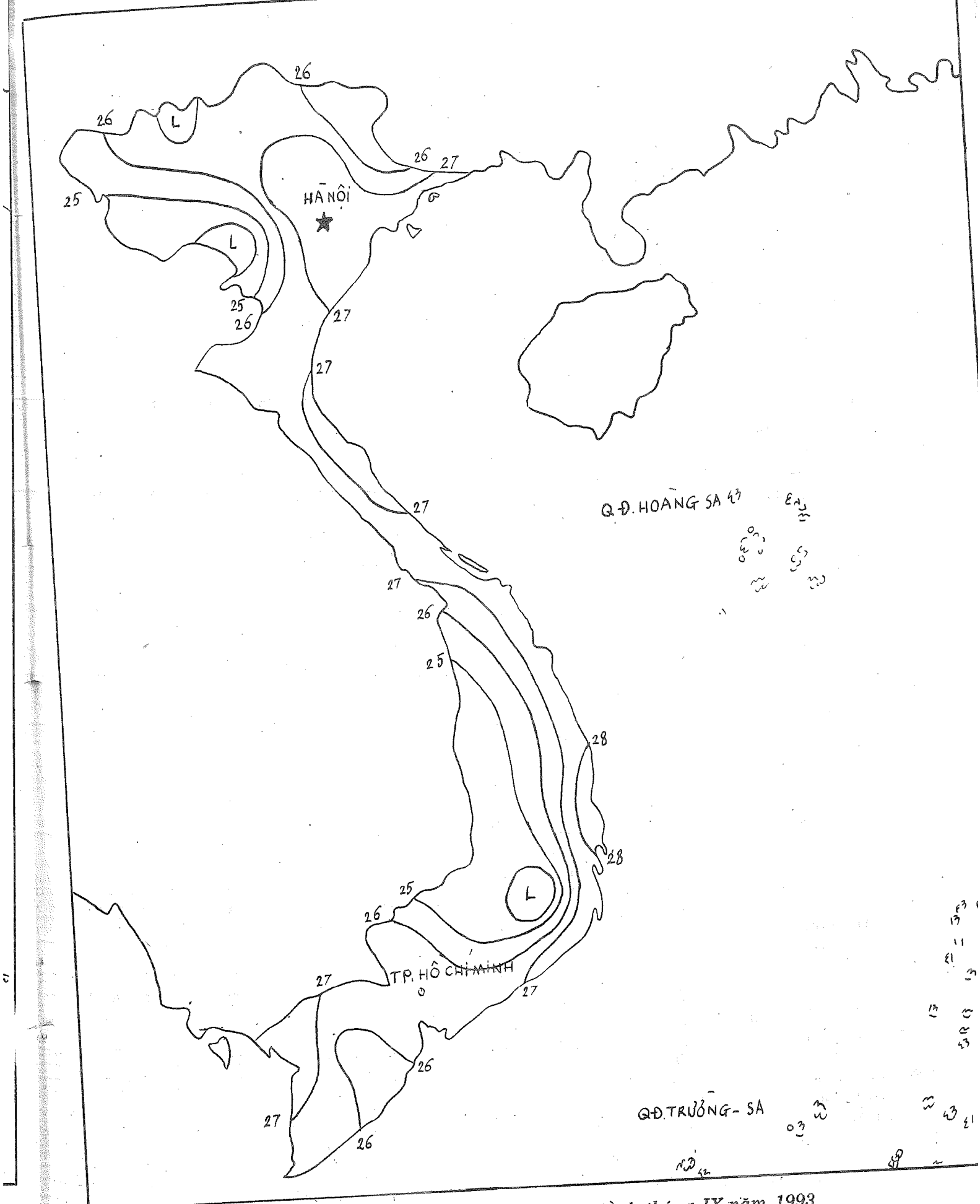
- *Bão số 7 (DOT 9318)*: Ngày 20, ATND đã vượt qua đảo Lu-dông (Phi-líp-pin) vào Biển Đông, sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm tới cấp 7.

ATND di chuyển chủ yếu theo hướng tây và tây tây bắc.

Ngày 23 và 24, ATND di chuyển chậm và chuyển theo hướng bắc và đông bắc và



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng IX năm 1993



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng IX năm 1993

ĐẶC TRƯNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Tuyệt đối	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	26,0	0,0	31,8	34,9	15	22,7	19,8	26	86	49	25
2	Điện Biên	24,6	0,0	30,1	32,2	22	21,7	18,6	26	89	60	23
3	Sơn La	23,8	+0,1	28,9	30,9	14	20,4	17,3	26	84	51	24
4	Sa Pa	18,2	+0,1	20,0	24,5	29	15,5	13,0	30	91	38	25
5	Lao Cai	26,3	0,0	32,1	35,0	17	23,5	19,9	26	87	45	25
6	Yên Bái	26,9	+0,5	32,4	35,8	17	23,8	21,2	26	86	52	25
7	Hà Giang	26,4	-0,1	32,0	34,8	22	23,1	19,4	25	87	40	25
8	Tuyên Quang	27,3	+0,8	32,6	35,0	14	24,1	21,7	30	82	44	25
9	Lạng Sơn	25,2	0,0	30,5	32,8	16	22,7	19,5	26	86	47	26
10	Cao Bằng	25,5	0,0	31,2	33,9	22	22,2	18,2	26	86	38	25
11	Thái Nguyên	27,2	+0,3	31,5	34,5	22	24,8	21,1	26	81	45	25
12	Bắc Giang	27,4	+0,1	31,6	33,9	22	24,5	22,1	30	85	51	25
13	Phú Thọ	27,2	+0,3	32,0	34,4	17	24,0	21,0	26	84	46	26
14	Hòa Bình	26,9	+0,4	31,9	34,7	15	24,3	22,1	25	87	51	25
15	Hà Nội (Láng)	27,8	+0,6	32,0	34,7	29	25,1	22,1	30	81	43	24
16	Tiên Yên	27,1	+0,8	31,4	32,1	26	25,1	21,3	27	88	47	26
17	Hồng Gai	27,3	+0,5	30,8	33,6	17	24,5	22,7	30	83	51	26
18	Phù Liễn	27,0	+0,2	31,0	33,3	15	24,6	22,4	30	92	70	26
19	Thái Bình	27,1	+0,1	30,7	33,4	15	24,7	21,4	30	90	58	27
20	Nam Định	27,3	-0,2	31,1	33,8	15	25,1	21,3	30	87	56	27
21	Thanh Hóa	27,0	+0,6	30,6	34,4	17	24,4	22,9	27	88	50	25
22	Vinh	27,0	+0,2	30,2	33,1	29	24,6	23,2	7	80	51	26
23	Đồng Hới	27,0	0,0	30,6	33,9	29	24,1	22,3	25	86	60	27
24	Huế	27,0	-0,1	31,7	33,7	29	24,1	23,1	21	85	55	4
25	Đà Nẵng	27,4	+0,1	31,5	33,8	28	24,7	23,6	18	83	50	28
26	Quảng Ngãi	27,5	+0,2	32,3	34,0	18	24,4	23,1	3	84	49	25
27	Quy Nhơn	28,6	+0,4	34,1	35,8	7	25,4	23,6	29	80	48	5
28	Po Lây Cu	22,1	-0,2	26,8	28,9	21	19,7	17,0	3	92	60	21
29	Buôn Mê Thuột	23,8	-0,1	29,1	30,9	26	21,4	20,3	25	90	63	19
30	Đà Lạt	18,1	-0,7	22,7	25,0	27	15,6	14,3	2	92	60	27
31	Nha Trang	27,7	+0,2	32,1	33,7	13	24,7	23,2	4	87	46	12
32	Phan Thiết	27,0	+0,2	31,4	34,0	1	24,7	23,3	21	83	49	1
33	Vũng Tàu	27,1	-0,3	30,7	32,3	6	24,6	22,6	22	83	62	6
34	Tây Ninh	26,3	-0,4	31,0	32,6	19	23,3	22,7	1	87	62	7
35	T.P Hồ Chí Minh	26,5	-0,3	31,6	33,5	30	23,8	22,0	18	x	x	x
36	Tiền Giang	26,6	-1,0	31,2	32,8	28	24,1	23,1	13	87	54	12
37	Cần Thơ	25,9	-0,9	30,7	32,2	30	24,5	22,8	2	90	61	22
38	Sóc Trăng											
39	Rạch Giá	27,4	-0,4	29,6	30,8	1	25,0	23,3	15	85	76	6
40	Cà Mau	26,7	-0,2	31,2	33,3	30	24,1	21,8	14	89	56	11

CỦA CÁC TRẠM THÁNG IX / NĂM 1993

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY					Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phùn		
				Có mưa dài nhất	Không mưa D.nhất							Nhẹ	Mạnh				
200	+42	40	5	3	6	12	63	3	26	216	+49	0	0	7	0	1	
242	+95	80	5	5	9	13	58	3	21	177	+6	0	0	12	0	2	
195	+40	80	4	4	9	13	57	3	22	201	+23	0	0	11	0	3	
118	-215	30	19	7	4	20	38	5	25	119	+21	0	0	2	0	4	
203	-38	110	30	5	6	13	55	3	11	168	+6	0	0	8	0	5	
207	-81	80	30	6	8	15	92	5	26	199	+27	0	0	9	0	6	
218	+36	36	4	7	7	17	61	4	25	179	+13	0	0	10	0	7	
135	-79	64	30	5	6	14	84	5	23	213	+32	0	0	10	0	8	
158	-6	40	18	4	8	14	76	5	25	188	+7	0	0	10	0	9	
97	-60	30	20	5	9	11	67	4	25	187	+15	0	0	7	0	10	
122	-116	30	19	6	5	11	36	6	25	195	+5	0	0	10	0	11	
140	-66	20	19	5	4	13	72	5	24	205	+5	0	0	11	0	12	
149	-70	70	30	5	6	13	75	5	25	220	+37	0	0	9	0	13	
261	-82	120	10	5	7	13	63	4	16	188	+22	0	0	11	0	14	
258	-7	140	30	7	7	13	83	5	24	183	-7	0	0	12	0	15	
627	+266	240	29	6	5	16	50	4	14	140	x	0	0	19	0	16	
429	+114	210	10	3	7	11	70	5	26	197	+12	0	0	11	0	17	
281	-18	90	30	3	7	11	57	4	27	203	+23	0	0	11	0	18	
350	+6	70	30	7	6	16	71	4	25	181	+1	0	0	9	0	19	
520	+172	240	9	7	7	14	58	3	17	186	+8	0	0	9	0	20	
330	-74	80	9	7	7	14	70	6	25	207	+43	0	0	11	0	21	
508	+18	160	8	6	7	13	60	4	26	191	+39	0	0	12	0	22	
367	-18	150	7	8	5	15	75	4	26	200	+25	0	0	11	0	23	
106	-367	20	24	8	5	16	71	3	3	198	+2	0	0	11	0	24	
177	-173	70	8	5	5	13	81	4	3	215	+41	0	0	10	0	25	
202	-80	40	7	6	6	13	64	3	30	184	-16	0	0	11	0	26	
297	+52	50	27	4	4	16	86	6	5	201	-1	0	0	19	0	27	
340	-20	60	1	24	1	28	36	2	29	141	+6	0	0	18	0	28	
192	-93	28	14	13	2	26	41	2	25	141	-21	0	0	17	0	29	
311	+19	50	14	15	1	28	36	2	12	132	-9	0	0	11	0	30	
71	-96	20	4	4	3	20	94	4	22	197	-8	0	0	16	0	31	
137	-65	40	25	5	6	19	111	7	1	217	+16	0	0	12	0	32	
231	+17	50	27	7	4	22	69	4	6	198	+13	0	0	8	0	33	
259	-59	62	22	12	3	24	50	3	6	157	-40	0	0	17	0	34	
361	+34	63	24	12	2	24	x	x	x	x	x	x	x	6	x	35	
188	-57	40	19	7	2	21	75	4	12	178	+1	0	0	10	0	36	
372	+90	110	3	10	2	26	58	3	15	170	+3	0	0	11	0	37	
																38	
240	-60	52	14	9	4	22	x	5	6	182	+18	0	0	9	0	39	
315	-33	60	2	13	4	22	55	3	6	144	-2	0	0	14	0	40	

ngày 25 mạnh lên thành bão với cường độ tăng dần lên đến cấp 11, cấp 12. Ngày 26, bão di chuyển vào đất liền Quảng Đông (Trung Quốc) và suy yếu dần.

Bão không ảnh hưởng đến thời tiết nước ta.

c) *Nắng nóng*: một vài nơi thuộc khu IV cũ có vài ngày nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất đạt tới 35°C - 36°C .

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN.

Nhiệt độ cao nhất xảy ra ở Cửa Rào (Nghệ An): 36°C (ngày 28).

Nhiệt độ thấp nhất xảy ra ở Sa-Pa (Lào Cai): 13°C (ngày 30).

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc phía tây Bắc Bộ và một vài nơi thuộc Trung Bộ và Nam Bộ có lượng mưa tháng cao hơn TBNN; còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng lớn nhất là Quỳnh Lưu (Nghệ An): 931mm và cũng là nơi có lượng mưa ngày cao nhất 711mm/ngày 8.

Nơi có lượng mưa tháng nhỏ nhất là Nha Trang (Khánh Hòa): 71mm (-96mm).

4. Số giờ nắng

Hầu hết các nơi thuộc khu vực từ Quảng Ngãi đến Khánh Hòa có số giờ nắng thấp hơn TBNN; còn các nơi khác cao hơn.

Số giờ nắng cao nhất xảy ra tại Phú Hộ (Vĩnh Phú): 220 giờ.

Số giờ nắng thấp nhất xảy ra tại Kon Tum: 105 giờ.

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở Miền Bắc, thời tiết thuận lợi cho việc thu hoạch lúa mùa sớm, và gieo trồng cây vụ đông.

Ở Miền Nam, thời tiết thuận lợi cho việc thu hoạch lúa hè thu và hoàn thành việc gieo cấy lúa mùa.

II. TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Trên các sông ở Bắc Bộ chỉ có hai đợt lũ nhỏ vào tuần đầu và tuần cuối tháng nên vào những ngày cuối tháng IX mực nước các sông xuống rất thấp.

Trên sông Thao tại Yên Bái, mực nước cao nhất: 30,76m (ngày 5); mực nước thấp nhất là 27,33m (ngày 28).

Trên sông Lô tại Tuyên Quang, mực nước cao nhất: 23,15m (ngày 7); mực nước thấp nhất: 18,69m (ngày 29).

Trên sông Đà, lưu lượng lớn nhất đến hồ Hòa Bình: $5.800\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 6), lưu lượng nhỏ nhất: $1300\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 28), lưu lượng trung bình tháng: $2680\text{m}^3/\text{s}$, thiếu hụt so với mức TBNN cùng thời kỳ khoảng 10%. Mực nước hồ Hòa Bình đã lên cao dần; mực nước ngày 1-IX là 95,07m, mực nước ngày 30-IX là 112,55m.

Trên sông Hồng tại Hà Nội, mực nước cao nhất: 8,66m (ngày 7; mực nước thấp

nhất: 4,84m (ngày 29); mực nước trung bình tháng: 6,70m, thấp hơn so với mức TBNN cùng thời kỳ: 0,97m. Mực nước sông Hồng trong tháng IX năm nay xuống khá thấp, nhưng cũng còn cao hơn mức cùng thời kỳ của một số năm gần đây.

2. Ở Trung Bộ

Nhìn chung trong tháng, trên các sông ở Trung Bộ chỉ có lũ nhỏ xuất hiện trong tuần đầu tháng và những ngày cuối tháng. Mực nước cao nhất ở hạ lưu sông Cà, sông Hương đã lên trên mức báo động I, còn trên các sông khác mực nước ở mức bình thường.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền và sông Hậu lên dần, song nhìn chung vẫn ở mức bình thường. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu: 3,59m (ngày 20), trên sông Hậu tại Châu Đốc: 3,03m (ngày 25), đều ở mức báo động II và thấp hơn mức TBNN cùng thời kỳ khoảng 0,4m.

III. TÌNH HÌNH HẢI VÂN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía Bắc: hướng gió chủ yếu là nam và đông nam, ven bờ tốc độ gió trung bình từ 5-6m/s (cấp 4) ngoài khơi gió mạnh nhất 12-15m/s (cấp 7). Hướng sóng chủ yếu là nam và đông nam, ven bờ độ cao sóng trung bình 0,5 - 0,75m (cấp II), ngoài khơi sóng cao nhất 3m (cấp V).

- Vùng biển phía Nam: hướng gió, chủ yếu là tây và tây nam, ven bờ tốc độ gió trung bình từ 5-6m/s (cấp 4). Ngoài khơi Vũng Tàu - Côn Đảo, Trường Sa, gió mạnh nhất 15 - 20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là tây và tây nam, ven bờ độ cao sóng trung bình 0,5 - 0,75m (cấp II), ngoài khơi Vũng Tàu - Côn Đảo - Trường Sa sóng cao nhất 3,5m - 4m (cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía Bắc: nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 29-30°C, cao nhất 32-33°C, thấp nhất 26 - 27°C.

- Vùng biển phía Nam: nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 28-29°C, cao nhất 30-32°C, thấp nhất 26-27°C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía Bắc: độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 25-27‰, cao nhất 28-30‰, thấp nhất 22-23‰.

- Vùng biển phía Nam: độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 29-30‰, cao nhất 31-33‰, thấp nhất 27-28‰.